

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2021

*V/v “Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình”.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyền;
2. Ông Y Mung Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2021, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn a, xã C, huyện K, tỉnh Đ; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn b, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T yêu nhau và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đã đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2006, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chung hai vợ chồng chung sống hạnh phúc,

tuy nhiên sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Vì vậy, chị N nhận thấy tình cảm của cả hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh T có 04 con chung là: Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 06/12/2006; Nguyễn Mai Thanh T, sinh ngày 13/11/2008; Nguyễn Đình T, sinh ngày 18/7/2011; Nguyễn Gia H, sinh năm 15/02/2014. Trong đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung, tuy nhiên do anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, nên chị N thay đổi ý kiến và đồng ý nuôi 02 con chung Nguyễn Thị Yến V và Nguyễn Gia H, cho đến tuổi trưởng thành; giao 02 con chung Nguyễn Mai Thanh T ; Nguyễn Đình T, cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị N, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T và chị N tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vì vậy hai vợ chồng đã sống ly thân 03 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị N yêu cầu giải quyết ly hôn, anh T yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: trong thời gian chung sống chúng tôi có 04 con chung: Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 06/12/2006; Nguyễn Mai Thanh T, sinh ngày 13/11/2008; Nguyễn Đình T, sinh ngày 18/7/2011; Nguyễn Gia H, sinh năm 15/02/2014. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và Nguyễn Đình T và Nguyễn Mai Thanh T cho đến tuổi trưởng thành; giao 02 con chung Nguyễn Thị Yến V và Nguyễn Gia H, cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Buk phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối với trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T yêu nhau và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị N và anh T đã sống ly thân 3 năm và hiện nay vẫn không thể hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị N được ly hôn với anh T. Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận theo nguyện vọng của chị N và anh T. Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T yêu nhau và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đã đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2006, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chung hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Vì vậy, chị N nhận thấy tình cảm của cả hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn, chị N và anh T đã sống ly thân 03 năm. Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh T có 04 con chung là: Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 06/12/2006; Nguyễn Mai Thanh T, sinh ngày 13/11/2008; Nguyễn Đình T, sinh ngày 18/7/2011; Nguyễn Gia H, sinh năm 15/02/2014. Chị N và anh T có nguyện vọng: giao 02 con chung Nguyễn Thị Yến V và Nguyễn Gia H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; giao 02 con chung Nguyễn Mai Thanh T và Nguyễn Đình T cho anh Tường trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét nguyện vọng của chị N và anh T phù hợp, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con chung nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Trần Thị Kim N phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim N.

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 06/12/2006 và Nguyễn Gia H, sinh năm 15/02/2014 cho chị Trần Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Giao 02 con chung Nguyễn Mai Thanh T, sinh ngày 13/11/2008 và Nguyễn Đình T, sinh ngày 18/7/2011 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Kim N phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/00185776 ngày 18/02/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- THA dân sự huyện K;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ-vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoa Lý